TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS - ST
Ngày: 09 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Tuấn

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Săm Át, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 629/2018/TLST - DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/QĐST-DS ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

Địa chỉ: Số A, phố L, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành V.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Lưu V- Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo giấy ủy quyền số 93 ngày 06 tháng 9 năm 2018.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Trần Kiều P, sinh năm 1963 (vắng).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, ông Nguyễn Lưu V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày: Vào ngày 09/5/2016 Ngân hàng N – chi nhánh Trà Vinh (sau đây được gọi là Ngân hàng) và bà Trần Kiều P đã ký kết hợp đồng tín dụng số 334432609/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho bà P vay tín chấp số tiền 80.000.000 đồng; thời hạn vay 24 tháng; mục đích vay là để mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình; lãi suất tại thời điểm vay 11,5%/năm; lãi suất quá hạn 17,25%/năm; phương thức cho vay: từng lần, hạn trả nợ cuối cùng 09/05/2018. Hiện khoản nợ trên đã quá hạn trả nợ đồng thời bà P đã nghỉ hưu không còn công tác tại Trường Tiểu học thị trấn Cầu Kè, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc thu nợ nhưng bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Dư nợ đến ngày 09/11/2018 là 12.850.000 đồng, tổng số lãi phát sinh còn phải trả đến ngày 09/11/2018 là 1.384.218 đồng, tổng cộng: 14.385.218 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/11/2018) số tiền 14.385.218 đồng (trong đó vốn gốc 12.850.000 đồng, nợ lãi là 1.384.218 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 10/11/2018 đến khi bà P trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng vay vốn số 334432609/HĐTD ngày 09/5/2016.

Đối với bị đơn bà Trần Kiều P, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Trần Kiều P không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do, đến nay là lần xét xử thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P .

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 09/5/2016 bà P có vay tín chấp của nguyên đơn Ngân hàng số tiền 80.000.000đồng theo hợp đồng vay vốn số 334432609/HĐTD. Việc các bên ký kết các hợp đồng nêu trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, nay bà P đã vị phạm nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng vay vốn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy hợp đồng vay vốn ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là để mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quá trình tống đạt các văn bản của Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà P theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính hợp pháp của hợp đồng vay vốn: hợp đồng vay vốn số 334432609/HĐTD ngày 09/5/2016 ký kết giữa Ngân hàng với bà P là hoàn toàn tự nguyên, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại các điều 121, 122, 124 của Bộ luật dân sự 2005 nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu luật pháp luật.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn, Ngân Hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho bà P số tiền 80.000.000đồng. Tuy nhiên, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, từ khi vay cho đến nay bà P chỉ trả được 67.150.000 đồng tiền vốn và 9.490.215 đồng tiền lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà P trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/11/2018) số tiền 14.385.218 đồng (trong đó vốn gốc 12.850.000đồng, nợ lãi là 1.384.218 đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số: 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/02/2005; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về mức lãi suất mà phía bị đơn bà P phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc: Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày10/11/2018), bà P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mưc lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số 334432609 ngày 09/5/2016.

[3] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà P phải chịu 719.260 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 341.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017965 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 , Điều 72, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 121, 122, 124, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Bà Trần Kiều P trả cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/11/2018) là 14.385.218 đồng (trong đó vốn gốc 12.850.000đồng, nợ lãi là 1.384.218 đồng).

Kể từ ngày 10/11/2018, bà Trần Kiều P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số: 334432609 ngày 09/5/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Kiều P phải chịu 719.260 đồng. Ngân hàng N không phải chụi án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 341.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017965 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai